TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2025/HS-ST
Ngày: 25-9-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*:** Ông Đỗ Minh Thìn.

***Các Hội thẩm nhân dân*:**

Ông Nguyễn Thanh Hùng.

Bà Ngô Thúy Hiền.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Phạm Văn Minh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Tiền - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 23/2025/TLST-HS ngày 08 tháng 9 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2025/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 9 năm 2025; đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn S**; Tên gọi khác: Sang K; Giới tính: Nam; Sinh năm 2001, tại tỉnh Đồng Tháp; Nơi cư trú: Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1979; Con bà Đặng Thị T1, sinh năm 1981; Vợ, con: Chưa có; Anh chị em ruột: Có 01 người, sinh năm 2003; Tiền án, tiền sự: Không có; Tạm giữ, tạm giam: Không *(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).*

- Bị hại: Ông Dương Văn K1, sinh năm 1953.

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Hoàng T2, sinh năm 1982.

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

- Người làm chứng: Bà Bùi Kim L, sinh năm 1969.

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11 giờ 30 phút ngày 10/4/2025 sau khi chơi game hết tiền, Nguyễn Văn S nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của ông Dương Văn K1 để bán lấy tiền tiêu xài và trả nợ (ông K1 làm nghề chạy xe ôm ngụ cùng địa phương với S). Sau đó, S đến nhà ông K1 nói dối với ông K1 để ông K1 dùng xe mô tô mang biển số 66K5-6045 chở S đến xã P (cũ) để S lấy tiền người khác nợ. Khi ông K1 điều khiển xe mô tô mang biển số 66K5-6045 chở S đến địa bàn xã P thì S yêu cầu ông K1 chạy xe lòng vòng qua nhiều tuyến đường khác nhau.

Đến khoảng 12 giờ 20 phút cùng ngày, khi đến đường R - N thuộc ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp, S kêu ông K1 dừng xe lại ngồi đợi và nói với ông K1 *cho mượn xe đi lấy tiền rồi quay lại liền*. Do tin tưởng, nên ông K1 giao xe cho S, sau khi nhận xe thì S điều khiển xe mô tô mang biển số 66K5-6045 đến tiệm S1 tọa lạc tại phường S, tỉnh Đồng Tháp do anh Nguyễn Hoàng T2 làm chủ. Tại đây, S lấy giấy tờ trong cóp xe của ông K1 và nói với T2 là xe của S mua xe cũ không sang tên, thỏa thuận và đã bán xe cho T2 với giá 3.000.000 đồng. Sau khi bán xe, S dùng tiền để tiêu xài cá nhân hết.

Đối với ông K1 đợi lâu không thấy S quay lại và biết mình bị lừa, nên đến Công an xã T, tỉnh Đồng Tháp trình báo. Đến ngày 14/4/2025 Công an xã T mời S làm việc và S thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 47/KL-HĐĐGTS ngày 06/5/2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong Tố tụng hình sự tỉnh Đồng Tháp kết luận xe mô tô mang biển số 66K5-6045 mà S chiếm đoạt của ông K1 có giá trị là 3.000.000 đồng.

Về vật chứng, Cơ quan điều tra đã tạm giữ và xử lý như sau:

Quá trình điều tra T2 đã tự nguyện giao nộp xe mô tô mang biển số 66K5-6045 và đã nhận lại số tiền 3.000.000 đồng mua xe do S đã giao nộp, nên không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tạm giữ và trao trả cho chủ sở hữu là ông Dương Văn K1 nhận lại 01 xe mô tô biển số 66K5-6045 kiểu dáng Dream, màu sơn xanh, hiệu CICERO, số máy FMH-062254, số khung 022HV-002254 và ông K1 không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại bản cáo trạng số 18/CT-VKS-KV8 ngày 28/8/2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, Đồng Tháp đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn S về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, Đồng Tháp trong phần tranh luận đã giữ nguyên cáo trạng truy tố và đề nghị:

Căn cứ Điều 38, khoản 1 Điều 174; Điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" với mức án từ 6 tháng tù đến 9 tháng tù; Hình phạt bổ sung không áp dụng; Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường gì thêm, nên không phải xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Đã xử lý xong.

Ngoài ra, Viện kiểm sát còn đề nghị về các vấn đề khác theo quy định pháp luật.

- Ý kiến của bị cáo Nguyễn Văn S: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo thống nhất giá trị tài sản chiếm đoạt của bị hại như cáo trạng truy tố, bị cáo không tranh luận. Về hình phạt, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Bị hại ông Dương Văn K1 vắng mặt tại phiên tòa, trước đây có lời khai trình bày: Về hình sự xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, về dân sự không yêu cầu bị cáo bồi thường.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hoàng T2 vắng mặt tại phiên tòa, trước đây có lời khai trình bày: Không yêu cầu bị cáo bồi thường.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong vụ án đã thực hiện đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục tố tụng của Bộ luật Tố tụng hình sự trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan tố tụng và người tiến hành tố tụng nên các chứng cứ, tài liệu thu thập được trong hồ sơ vụ án là hợp pháp, đúng theo quy định pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng; kết luận định giá tài sản, biên bản xác định hiện trường và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Qua đó đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 12 giờ 20 phút 10/4/2025 bị cáo Nguyễn Văn S đã bằng thủ đoạn gian dối (nói dối) để ông Dương Văn K1 tin tưởng giao xe mô tô mang biển số 66K5-6045 trị giá 3.000.000 đồng cho S. Ngay sau khi được ông K1 giao, thì S đem xe mô tô mang biển số 66K5-6045 bán cho người khác lấy tiền tiêu xài. Hành vi của bị cáo S là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ.

Tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm"

[3] Bị cáo là người đã thành niên, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được quyền sở hữu hợp pháp tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đều sẽ bị xử lý nghiêm. Bản thân bị cáo hiểu rõ hành vi gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác bị pháp luật nghiêm cấm. Nhưng với

tư tưởng xấu, bản tính tham lam, lười biếng lao động, xem thường pháp luật, muốn có tiền tiêu xài mà không phải bỏ ra nhiều công sức lao động.

Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, động cơ mục đích vụ lợi cá nhân. Thủ đoạn thực hiện tội phạm táo bạo, liều lĩnh. Thực hiện hành vi vào ban ngày, bị cáo thuê bị hại chở qua nhiều tuyến đường, nên có nhiều người nhận biết bị cáo; bị cáo và bị hại là người cùng địa phương, bị hại biết bị cáo và gia đình bị cáo. Nếu bị cáo chiếm đoạt tài sản của bị hại rất dễ bị phát hiện và bị bắt. Nhưng bị cáo không sợ sệt mà với ý định từ trước, nên khoảng 12 giờ 20 phút ngày 10/4/2025 bằng thủ đoạn gian dối (nói dối) để ông K1 tin tưởng giao xe mô tô cho S và ngay sau đó S đem xe mô tô bán cho người khác với giá 3.000.000 đồng lấy tiền tiêu xài cá nhân. Hành vi của bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự xã hội tại địa phương, cũng như làm giảm lòng tin trong nhân dân. Do đó, xét thấy cần có thời gian cách ly để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, giúp ích cho gia đình và có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Quá xác minh bị cáo Nguyễn Văn S không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, không có tài sản; nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt xe mô tô của ông K1 ngày 10/4/2025, thời điểm này ông K1 đã trên 70 tuổi là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Tự nguyện bồi thường thiệt hại; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Do các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường, nên không phải xem xét giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ: Đã xử lý xong.

[8] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[9] Đối với Nguyễn Hoàng T2 có hành vi mua xe mô tô mang biển số 66K5-6045, nhưng lúc mua T2 không biết tài sản do bị cáo S phạm tội mà có, nên không xử lý về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

[10] Qua phần luận tội của vị đại diện Viện Kiểm sát về tội danh, mức hình phạt, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ là phù hợp, nên thống nhất.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 174; Các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điểm i khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn S 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

3. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

4. Về trách nhiệm dân sự: Do các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường, nên không phải xem xét giải quyết.

5. Về xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ: Đã xử lý xong

6. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Văn S nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

7. Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 8, Đồng Tháp;
- Phòng HS&NV Công an tỉnh ĐT;
- Phòng THADS khu vực 8 - Đồng Tháp;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VT, TP;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Minh Thìn